

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 26/4/2022.

Về việc: “Xin ly hôn và nuôi con chung”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Hồng Gái

2. Bà Hà Thị Kim Thu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thế Nam** – kiểm sát viên

Trong ngày 31 tháng 3 và ngày 26 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 216/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 về việc: “Xin ly hôn và nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐST - HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022; Thông báo mở lại phiên tòa số: 01/2022/TB-TA ngày 05 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/4/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Võ Chí T**, sinh năm 1996.

HKTT: số 38 ấp Thuận Long, xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: ấp Suối Đá, xã Dương Tơ, thành phố PQ, tỉnh KG.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim T1**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: số 140 ấp Tà Lóc, xã Sơn Kiên, huyện HĐ, tỉnh KG.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đoàn Minh H, sinh năm 1968 và bà Mai Kim L, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp Suối Đá, xã Dương Tơ, thành phố PQ, tỉnh KG..

(Anh T có mặt tại phiên tòa ngày 31/3/2022, vắng mặt ngày 26/4/2022, chị T1 có mặt, ông H và bà L có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Võ Chí T trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Anh Võ Chí T và Chị Nguyễn Thị Kim T1 tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, hai bên có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang vào ngày 26/02/2019. Quá trình chung sống anh T và chị T1 có một người con chung tên Võ Minh Đức, sinh ngày 11/7/2019, hiện cháu Đức đang ở cùng với anh T và bà Mai Kim L (mẹ ruột anh T), ông Đoàn Minh H (cha dượng của anh T) tại địa chỉ: ấp Suối Đá, xã Dương Tơ, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Quá trình chung sống giữa anh T và chị T1 không được hạnh phúc do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi vã. Đến tháng 3 năm 2020 mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng do đó nên hai anh chị đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, hôn nhân không đạt mục đích, nên anh Võ Chí T yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim T1.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 người con chung tên Võ Minh Đức, sinh ngày 11/7/2019, hiện cháu Đức đang ở cùng với anh T và bà Mai Kim L, ông Đoàn Minh H tại địa chỉ: ấp Suối Đá, xã Dương Tơ, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Hiện cháu Đức do anh T và bà L trực tiếp nuôi dưỡng, phía ông H không có trực tiếp nuôi dưỡng. Nay anh T yêu cầu được tiếp tục được nuôi dưỡng cháu Đức đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị Kim T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về T sản chung: Anh T trình bày quá trình chung sống anh và chị T1 không có tạo lập được T sản chung. Do đó không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T trình bày quá trình chung sống anh và chị T1 không có nợ ai và không cho ai vay nợ. Không yêu cầu Tòa án án giải quyết.

** Tại biên bản tự khai ngày 13/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T1 trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Võ Chí T được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang vào ngày 26/02/2016 là đúng. Quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Nay anh T yêu cầu được ly hôn với chị thì chị T1 cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống giữa anh chị có 01 người con chung tên Võ Minh Đức, sinh ngày 11/7/2019 như lời anh T trình bày là đúng. Nay anh T yêu cầu được ly hôn với chị thì chị cũng đồng ý ly hôn do chị và anh T không còn tình cảm nữa. Đối với cháu Võ Minh Đức thì hiện nay anh T đã mang cháu về Phú Quốc sinh

sống. Ly hôn chị T1 yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về T sản chung: Chị T1 trình bày quá trình chung sống giữa anh chị không có tạo lập được T sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T1 trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng không có nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 10/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Mai Kim L trình bày như sau:*

Tôi là cha mẹ ruột của anh T, chị T1 là con dâu của tôi. Hiện nay giữa anh T và chị T1 ly hôn với nhau thì tôi không có ý kiến gì. Khi vợ chồng T và T1 sinh cháu Đức thì vợ chồng T và cháu Đức cùng sinh sống với gia đình tôi tại ấp Suối Đá, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Sau đó thì hai vợ chồng T, T1 phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2020, từ đó hai vợ chồng đã ly thân cho đến nay. Hiện tại cháu Đức đang ở với gia đình tôi từ giữa năm 2020, do tôi và T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến nay. Cháu Đức sống với tôi và T thì được chăm sóc và giáo dục tốt về mọi mặt, không thiếu thốn về mặt vật chất cũng như tình cảm. Nay giữa T và T1 ly hôn tại Tòa án thì tôi có nguyện vọng để cháu Đức cho tôi và T tiếp tục nuôi dưỡng vì cháu Đức hiện nay chung sống với tôi và T rất tốt, đã mến tay mến chân. Hiện tại do ở xa, đi lại khó khăn, bận công việc gia đình nên không trực tiếp đến Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất để tham dự được nên xin được vắng mặt tại Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất. Đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Trong quá trình giải quyết vụ án ông Đoàn Minh H trình bày như sau:*

Tôi là chồng của bà Mai Kim L, là cha dượng của Võ Chí T. Hiện nay cháu Võ Minh Đức là con của Võ Chí T đang ở cùng với ông H, bà L tại ấp Suối Đá, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Cháu Đức hiện nay được bà Mai Kim L và anh Võ Chí T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tôi làm nghề biển, mỗi cuộc đi biển khoảng 15 ngày mới về nhà. Khi về nhà thì ở nhà khoảng 05, 06 ngày thì đi biển tiếp. Thu nhập đi biển thì mang về lo cho tất cả mọi người trong gia đình, tôi không phải là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Đồng thời ông H yêu cầu được xin vắng mặt tại các buổi hòa giải và xét xử của vụ án này.

** Tại phiên tòa vị đại diện VKS phát biểu quan điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Về hôn nhân: đề nghị HĐXX căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Võ Chí T và chị Nguyễn Thị Kim T1. Về con chung: do cháu Võ Minh Đức dưới 36 tháng tuổi nên đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung tên Võ Minh Đức, sinh ngày 11/7/2019 cho chị Nguyễn Thị Kim T1 tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị T1 không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Buộc anh Võ Chí T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về thẩm quyền*: Nguyên đơn anh Võ Chí T yêu cầu được ly hôn với bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T1. Chị T1 cư trú trên địa bàn huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa ngày 26/4/2022 anh Võ Chí T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, bà Mai Kim L và ông Đoàn Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] *Về hôn nhân*: Qua thời gian yêu thương, anh T và chị T1 kết hôn với nhau vào năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/02/2019 nên hôn nhân giữa anh T và chị T1 là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Theo lời khai của anh T và chị T1 trình bày trong quá trình chung sống giữa anh chị có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Hiện tại anh T và chị T1 đã ly thân với nhau hơn gần 02 năm

nay, anh chị không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị T1.

Xét thấy do bất đồng quan điểm sống nên trong quá trình chung sống giữa anh T và chị T1 thường xuyên bất hòa. Bên cạnh đó, tại bản tự khai và quá trình hòa giải tại tòa án chị T1 cũng đồng ý ly hôn. Như vậy có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa anh T và chị T1 đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không còn đạt được mục đích. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] *Về con chung*: Anh T và chị T1 xác định trong quá trình chung sống anh chị có với nhau một người con chung tên Võ Minh Đức, sinh ngày 11/7/2019. Hiện cháu Đức đang do bà Mai Kim L và anh Võ Minh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đức đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong khi đó phía chị T1 yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đức đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy tại phiên tòa ngày 31/3/2022 phía anh Võ Chí T trình bày hiện nay anh đang thử việc tại khách sạn tại Phú Quốc (làm phục vụ buồng phòng). Thu nhập theo anh T trình bày là 400.000 đồng/ngày nhưng anh T không cung cấp được bảng lương. Đồng thời chỗ ở hiện nay của cháu Đức là nhà trọ diện tích nhỏ, trong nhà có 05 người ở chung. Hiện tại anh T đã ra gần đó thuê nhà trọ ở riêng hơn 01 tháng nay để đi làm, lý do do nhà trọ tại ấp Suối Đá nhỏ, ở chật chội. Anh T trình bày ban ngày anh T đi làm, tối về nhà chơi với cháu Đức sau đó về nhà trọ anh T thuê để ở. Như vậy trong khoảng thời gian này anh T không trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đức mà quán xuyến toàn bộ việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đức cho bà L chăm sóc.

Mặt khác, tại phiên tòa anh T thừa nhận khoảng tháng 7, tháng 8 năm 2020 thì chị T1 cho đem cháu Đức từ Hòn Đất về Phú Quốc nhờ bà nội chăm sóc dùm để chị T1 đi kiếm việc làm gửi về chăm lo cho cháu Đức.

Tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “...3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”.

Do đó để đảm bảo ổn định cuộc sống của cháu, giúp cháu phát triển tốt về mặt thể chất cũng như tinh thần. Do đó Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Đức cho chị Nguyễn Thị Kim T1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T1 không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Ý kiến phát biểu của Vị đại diện VKS nhân dân huyện Hòn Đất là có cơ sở để được HĐXX xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

[3.3] *Về T sản chung*: Anh T và chị T1 trình bày quá trình chung sống hai anh chị không tạo lập được T sản chung, do đó không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3.4] *Về nợ chung*: Anh T và chị T1 trình bày không có nợ ai, không có cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] *Về án phí hôn nhân và gia đình*: Anh Võ Chí T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51; 55, 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1/. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Võ Chí T và chị Nguyễn Thị Kim T1

Giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 26/02/2019 do Ủy ban nhân dân xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp cho anh Võ Chí T và chị Nguyễn Thị Kim T1 không còn giá trị pháp lý.

2/. Về con chung: Giao cháu Võ Minh Đức, sinh ngày 11/7/2019 cho chị Nguyễn Thị Kim T1 tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Võ Chí T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T1 không yêu cầu. Hiện nay cháu Võ Minh Đức do anh Võ Chí T và bà Mai Kim L đang chăm sóc nên buộc anh T và bà L phải giao cháu Đức cho chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật.

Anh Võ Chí T có quyền được thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

3/. Về T sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

4/. Về nợ chung: Các đương sự đều trình bày không có nợ ai, không có ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

5/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Võ Chí T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003166 ngày 15/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó anh Võ Chí T đã nộp đủ án phí.

6/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Đương sự; UBND xã;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn An